

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2019/DS-PT

Ngày: 25 - 10.- 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Anh.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Văn Toàn.

2/. Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 201/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà P. Địa chỉ: ấp C1, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Q. Địa chỉ: ấp C2, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người làm chứng:* Ông N. Địa chỉ: ấp C3, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-4-2019 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà P trình bày:* Ngày 21-8-2018 bà có cho bà Q vay số tiền 16.600.000đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng, khi nào cần thì bà sẽ lấy lại, việc vay tiền có làm giấy tay và bà Q ký tên nhưng sau khi vay tiền bà Q không trả tiền lãi cũng như tiền gốc. Bà có làm đơn thưa đến Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện A, tỉnh

Sóc Trăng. Đến ngày 14-12-2018 Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện A, tỉnh Sóc Trăng do ông N tổ chức hòa giải, tại buổi hòa giải hai bên thống nhất bà Q còn nợ bà 15.000.000đồng và đồng ý trả cho bà mỗi tháng 1.000.000đồng do ông Vỡ nhận thay. Sau khi hòa giải, bà Q chỉ trả cho bà được 04 tháng với số tiền 4.000.000đồng và còn nợ lại 11.000.000đồng.

Trong biên nhận “Giấy vay tiền” ngày 21-8-2018 có tên M1 ký người cho vay là do khi bà Q hỏi vay bà số tiền 20.000.000đồng thì bà không có tiền nên có hỏi vay tiền của bà M1 tên thật là M2 để cho bà Q vay lại. Hiện số tiền vay 20.000.000đồng bà đã đứng ra trả xong cho bà M1 nên khoản tiền vay của bà Q không còn liên quan gì đến bà M1.

Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Q trả cho bà số tiền còn nợ là 11.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Q trong quá trình giải quyết vụ án không có văn bản nêu ý kiến cũng như lời trình bày cho Tòa án.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 đã căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 463 và 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P. Buộc bị đơn bà Q có trách nhiệm trả số tiền 11.000.000đồng cho nguyên đơn bà P. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả khi thi hành án; án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.*

Ngày 28-8-2019, bị đơn bà Q kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P về buộc bà phải trả số tiền 11.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà P không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn bà Q vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Q và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ và đúng theo luật định.

Về nội dung:

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Giữa bà P và bà Q có thỏa thuận với nhau về việc vay nợ, theo đó vào ngày 21-8-2018 bà P cho bà Q vay số tiền 16.600.000đồng với mức lãi suất 30%/tháng (tương ứng mỗi ngày bà Q phải trả lãi cho bà P là 200.000đồng), hai bên có ký kết “*Giấy vay tiền đề ngày 21-8-2018*” (BL 06). Trong quá trình thực hiện thỏa thuận, do bà Q không trả lãi đầy đủ nên bà P có gửi đơn đến Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện A, tỉnh Sóc Trăng để yêu cầu giải quyết. Tại “*Biên bản v/v giải quyết việc nợ của cô Q đối với cô P ngày 14-12-2018*” (BL 07-08) hai bên cùng thống nhất thừa nhận đối với số tiền vay 16.600.000đồng nêu trên bà Q đã trả lãi cho bà P được 09 ngày sau đó không có khả năng trả nữa, số tiền bà Q còn nợ bà P là 15.000.000đồng, bà Q đồng ý trả cho bà P mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi dứt nợ. Sau đó bà Q trả cho bà P được 04 lần (vào các ngày 14-12-2018, 24-01-2019, 18-02-2019 và 18-3-2019) với tổng số tiền 4.000.000đồng sau đó không trả nữa. Từ đó mà bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Q trả số tiền nợ còn lại là 11.000.000đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

[2] Xét thấy, việc bà Q vay của bà P số tiền 16.600.000đồng, sau đó đóng lãi được 09 ngày và tính đến ngày 14-12-2018 còn nợ lại 15.000.000đồng đã được ghi nhận trong “*Giấy vay tiền đề ngày 21-8-2018*” và “*Biên bản v/v giải quyết việc nợ của cô Q đối với cô P ngày 14-12-2018*” được các bên thừa nhận và được ông N, Chuyên viên Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện A, tỉnh Sóc Trăng là người lập biên bản ngày 14-12-2018 xác nhận là sự việc có thật, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ này để giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bà Q kháng cáo cho rằng số tiền bà đã trả lãi cho bà P tổng cộng 21.000.000đồng là đã nhiều hơn số tiền mà bà đã vay của bà P nên không đồng ý trả số tiền 11.000.000đồng theo như bản án sơ thẩm đã tuyên. Xét thấy, đây chỉ là lời trình bày từ một phía của bà Q và không được bà P thừa nhận, hơn nữa chính bà Q cũng thừa nhận việc trả lãi giữa hai bên trước nay không có làm biên nhận và bà Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, do đó lý do kháng cáo này của bà Q không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với việc bà Q kháng cáo cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án bà không nhận được bất kỳ thông báo hay giấy tờ gì của Tòa án cấp sơ thẩm thì thấy rằng: Các văn bản tố tụng gồm “*Thông báo về việc thụ lý vụ án số 150/TB-TLVA ngày 08-5-2019*”, “*Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 301/TB-TA ngày 22-5-2019*” đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt trực tiếp cho bà Q ký nhận (BL 22, 33); Các văn bản tố tụng gồm “*Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 346/TB-TA ngày 06-6-2019*”; “*Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-DS và Giấy triệu tập số 457/GTT-TA cùng ngày 08-7-2019*”;

“*Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-DS và Giấy triệu tập số 591/GTT-TA cùng ngày 26-7-2019*” đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc niêm yết do bà Q không có mặt tại nơi cư trú (BL 28-30a, 43-45a, 51-54). Thủ tục tổng đạt trực tiếp và niêm yết được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do đó lý do kháng cáo này của bà Q cũng không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Q đồng ý trả cho bà P số tiền 11.000.000đồng theo như bản án sơ thẩm đã tuyên nhưng đề nghị được trả dần số tiền này, còn bà P cũng đồng ý nhận số tiền 11.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi nhưng không đồng ý cho bà Q được trả dần. Do giữa hai bên không thống nhất về phương thức và thời gian trả nợ nên vấn đề này sẽ được giải quyết ở giai đoạn thi hành án.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Q và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Q. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P. Buộc bị đơn bà Q có trách nhiệm trả số tiền 11.000.000đồng (*Mười một triệu đồng*) cho nguyên đơn bà P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà P (đối với các khoản tiền mà bà Q phải có nghĩa vụ hoàn trả nêu trên) cho đến khi thi hành án xong, bà Q còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0008157 ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 550.000đồng (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0008297 ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Q đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện A (01);
- Chi cục THADS huyện A (01);
- Lưu: HSVA - VP (02).

Võ Hoàng Anh